**SINH HỌC 8 (từ ngày 20/04 – 29/04/2020)**

**CHUYÊN ĐỀ: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN (TT)**

**(dạy theo chương trình giảm tải của Bộ Giáo Dục)**

**Bài 50 - 51: Từ ngày 20 đến 24/04/2020**

**BÀI 50: VỆ SINH MẮT**

**I. Các tật của mắt**

***1.Cận thị là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần***

 - Nguyên nhân:

 + Bẩm sinh: cầu mắt dài

 + Thể thủy tinh phồng do không giữ đúng khoảng cách trong vệ sinh học đường.

 - Khắc phục: Đeo kính mặt lõm (kính cận)

***2. Viễn thị là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa***

 - Nguyên nhân:

 + Bẩm sinh cầu mắt ngắn

 + Thể thủy tinh bị lão hóa (xẹp)

 - Khắc phục: Đeo kính mặt lồi (kính viễn)

**II. Bệnh về mắt: (*Bệnh đau mắt hột)***

 - Nguyên nhân: Do vi rút gây nên

 - Đường lây: Dùng chung khăn, chậu với người bệnh, tắm rữa trong ao hồ tù hãm.

 - Triệu chứng: Mặt trong mí mắt có nhiều hột nỗi cộm lên

 - Hậu quả: Khi hột vỡ làm thành sẹo sinh lông quặm cọ sát làm đục màng giác dẫn tới mù lòa

 - Cách phòng tránh: Giữ gìn vệ sinh khi đọc sách để tránh cận thị. Tránh đọc ở chỗ thiếu ánh sáng hoặc lúc đi trên tàu xe bị xóc nhiều. Rửa mặt thường xuyên bằng nước muối loãng, không dùng chung khăn để tránh các bệnh về mắt

**\* Củng cố kiến thức:** Phân biệt các tật về mắt nguyên nhân, cách khắc phục

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các tật của mắt** | **Cận thị** | **Viễn thị** |
| Khái niệm |  |  |
| Nguyên nhân |  |  |
| Cách khắc phục |  |  |

 **BÀI 51: CƠ QUAN PHÂN TÍCH THÍNH GIÁC**

**I. Cấu tạo của tai**

 - Tai ngoài: Vành tai hứng sóng âm, ống tai hướng sóng âm, màng nhỉ khuếch đại âm.

 - Tai giữa: chuỗi xương tai truyền sống âm, vòi nhỉ cân bằng áp suất hai bên màng nhỉ.

 - Tai trong: Bộ phận tiền đình thu nhận thông tin về vị trí và sự chuyển động của cơ thể trong không gian.

 - Ốc tai thu nhận kích thích sóng âm.

**II. Chức năng thu nhận sóng âm**

 Sóng âm đập vào màng nhĩ, sau khi được chuỗi xương tai khuếch đại ở cửa bầu làm rung động ngoại dịch, nội dịch 🡪 rung màng cơ sở và kích thích các tế bào thụ cảm thính giác, làm xuất hiện xung thần kinh truyền theo dây thính giác (vỏ não), giúp ta nhận biết được các âm.

**III. Vệ sinh tai:**

 Cần giữ vệ sinh tai và bảo vệ tai:

* Không dùng vật nhọn ngoáy tai
* Giữ vệ sinh mũi, họng phòng bệnh cho tai
* Có biện pháp chống giảm tiếng ồn

**\* Củng cố kiến thức:**

 **-** Đọc phần ghi nhớ SGK

 - Quá trình thu nhận kích thích của sóng âm diễn ra như thế nào giúp người ta nghe được?

**Bài 52 + 54 Từ ngày 27 đến 29/04/2020**

**BÀI 52: PHẢN XẠ KHÔNG ĐIỀU KIỆN VÀ PHẢN XẠ CÓ ĐIỀU KIỆN**

**I. Phân biệt phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện:**

 - Phản xạ không điều kiện: là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập.

 - Phản xạ có điều kiện: là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện.

**II. Sự hình thành phản xạ có điều kiện:**

1. **Hình thành phản xạ có điều kiện**

**Cần:**

 - Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện với kích thích không điều kiện.

 - Quá trình kết hợp đó phải được lặp đi lặp lại nhiều lần.

 - Thực chất của việc thành lập phản xạ có điều kiện là sự hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời nối các vùng của võ đại não với nhau.

1. **Ức chế phản xạ có điều kiện**

 - Khi phản xạ có điều kiện không được củng cố 🡪 phản xạ mất dần.

 - Ý nghĩa:

 + Đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện luôn thay đổi.

 + Hình thành các thói quen tập quán tốt đối với con người.

**III. So sánh tính chất của phản xạ không điều kiện với phản xạ có điều kiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tính chất của phản xạ không điều kiện** | **Tính chất của phản xạ có điều kiện** |
| 1.Trả lời các kích thích tương ứng hay kích thích không điều kiện. | 1.Trả lời các kích thích bất kì hay kích thích có điều kiện. |
| 2. Bẩm sinh | 2. Được hình thành trong đời sống |
| 3. Bền vững | 3.Dễ mất đi không củng cố |
| 4. Có tính chất di truyền, mang tính chất chủng loại | 4. Có tính chất cá thể , không di truyền |
| 5. Số lượng hạn chế | 5. Số lượng không hạn định |
| 6. Cung phản xạ đơn giản | 6. Hình thành đường liên hệ tạm thời trong cung phản xạ. |
| 7. Trung ương nằm ở trụ não, tủy sống | 7. Trung ương thần kinh chủ yếu có sự tham gia của vỏ não |

- Mối liên quan:

+ PXKĐK là cơ sở để thành lập PXCĐK

+ Phải có sự kết hợp giữa 1 kích thích có điều kiện với kích thích không điều kiện.

**\* Củng cố kiến thức:**

 - Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

 - Hãy dùng dấu X đánh dấu các ví dụ ở cột A tương ứng với khái niệm ở cột B và C

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ví dụ (A)** | **phản xạ không điều kiện(B)** | **phản xạ có điều kiện(C)** |
| 1 | Lạnh tác động vào da làm nỗi da gà |  |  |
| 2 | Đi nắng, mặt đỏ gay, mồ hôi vả ra |  |  |
| 3 | Thức ăn chạm vào lưỡi tiết nước bọt |  |  |
| 4 | Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời |  |  |
| 5 | Đến ngã tư thấy đèn đỏ dừng xe lại |  |  |

***Lưu ý: Bài 53: Hoạt động thần kinh cấp cao ở người. HS đọc thêm SGK vì đây là phần giảm tải.***

**BÀI 54: VỆ SINH HỆ THẦN KINH**

**I. Ý nghĩa của giấc ngủ đối với sức khỏe**

 - Ngủ là quá trình ức chế của bộ não đảm bảo sự phục hồi khả năng làm việc của hệ thần kinh.

 - Biện pháp để có giấc ngủ tốt:

 + Cơ thể sảng khoái

 + Chỗ ngủ thuận tiện

 + Không dùng các chất kích thích như chè, cà phê

 + Trách các kích thích ảnh hưởng tới giấc ngủ

**II. Lao động và nghỉ ngơi hợp lý**

 - Lao động và nghỉ ngơi hợp lý để giữ gìn và bảo vệ hệ thần kinh.

 - Biện pháp:

 + Đảm bảo giấc ngủ hằng ngày để phục hồi khả năng làm việc của hệ thần kinh sau một ngày làm việc căng thẳng

 + Giữ cho tâm hồn được thanh thản, tránh suy nghĩ lo âu

 + Xây dựng một chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý

**III. Tránh lạm dụng các chất kích thích và ức chế đối với hệ thần kinh**

(Hoàn thành bảng 54)

**\* Củng cố kiến thức:**

Trongvệ sinh đối với hệ thần kinh, cần quan tâm tới những vấn đề gì? Vì sao như vậy?

 **DẶN DÒ:**

- HS chép nội dung bài vào vở học.

- HS trả lời câu hỏi phần củng cố vào tập học

**- HS cùng giáo viên giải đáp thắc mắc qua zoom vào thời gian cụ thể sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Thứ** | **Sáng** | **Chiều** |
| 8A2  | 3 | Từ 9h45 đến 10h45Từ 7h15 đến 8h15 |  |
| 5  |  |
| 8A4 | 4  |  | Từ 15h45 đến 16h45 |
| 5  | Từ 15h45 đến 16h45 |
| 8A6 | 2  | Từ 9h45 đến 10h 45 |  |
| 5  | Từ 9h45 đến 10h 45 |  |
| ***Lưu ý: GVsẽ gửi bài trước qua ennetviet và trường học kết nối HS xem trước bài phần nào thắc mắc sẽ cùng giáo viên giải đáp qua tiết học trên zoom.***  |

***Giáo viên: Nguyễn Thị Hằng***

***ZOOM***

**ID: 655-508-8795**

**Pass: thanthien**